

Số: 06 /2021/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 13 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

Căn cứ Thông tư 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng;

Xét Tờ trình số 1354/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết quy định Chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ để đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ, sản xuất sản phẩm mới và ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ cao, đồng thời đảm bảo là công nghệ sạch;

b) Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

c) Nâng cao năng suất và chất lượng;

d) Xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

e) Khai thác thông tin và quảng bá.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng là các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học để đổi mới, cải tiến công nghệ, sản xuất sản phẩm mới, hình thành ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ cao vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

- Một nội dung chính sách chỉ được hỗ trợ một lần cho một đối tượng được thụ hưởng. Trong cùng một thời gian, nếu đối tượng có đủ điều kiện được hưởng nhiều nội dung khác nhau thì chỉ được lựa chọn áp dụng một nội dung hỗ trợ phù hợp nhất. Việc hỗ trợ chỉ áp dụng cho đối tượng, nội dung chưa được hỗ trợ từ các chính sách, chương trình, dự án khác của Trung ương và của tỉnh.

- Chỉ hỗ trợ cho các đối tượng hoạt động và triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ để đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ, sản xuất sản phẩm mới và ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, đồng thời đảm bảo là công nghệ sạch.

a) Nội dung hỗ trợ:

- Chi phí nghiên cứu khoa học, ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ để đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ do tổ chức cá nhân tự thực hiện hoặc liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện;

- Chi phí mua công nghệ bao gồm: giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm;

- Chi phí nguyên liệu, năng lượng sản xuất thử;

- Chi phí hỗ trợ trả tiền công cho người lao động và cán bộ kỹ thuật trực tiếp tham gia trong thời gian sản xuất thử;

- Chi phí phân tích, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm sản xuất thử;

- Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm;

- Chi phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn về kỹ năng tay nghề, năng lực quản lý công nghệ và đổi mới công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

b) Mức hỗ trợ: hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí các nội dung trên nhưng không quá 500.000.000 đồng/dự án;

c) Thời gian hỗ trợ: trong vòng 3 năm, mỗi tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ một lần/một dự án.

2. Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp:

- Mức hỗ trợ: hỗ trợ 50% chi phí tiền công lao động trực tiếp nhưng tối đa không quá 80.000.000 đồng/tổ chức, doanh nghiệp;

- Thời gian hỗ trợ: không quá 01 năm/tổ chức, doanh nghiệp;

- Số lượng hỗ trợ: không quá 10 tổ chức, doanh nghiệp/01 năm.

b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

- Nội dung hỗ trợ: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

- Mức hỗ trợ: hỗ trợ 50% chi phí sử dụng dịch vụ nhưng tối đa không quá 80.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

- Mức hỗ trợ: hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp;

- Thời gian hỗ trợ: không quá 01 năm/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp;

- Số lượng hỗ trợ: không quá 10 tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp/01 năm.

d) Chi giải thưởng Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh:

Nội dung chi	Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (đồng)	Hội thi sáng tạo kỹ thuật (đồng)
Giải nhất	30.000.000	30.000.000
Giải nhì	20.000.000	20.000.000
Giải ba	10.000.000	10.000.000
Giải khuyến khích	5.000.000	5.000.000

3. Hỗ trợ trong lĩnh vực nâng cao năng suất và chất lượng

a) Các tổ chức, doanh nghiệp áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận, được hỗ trợ tối đa một lần đối với một loại hệ thống:

- 40.000.000 đồng/01 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế;
- 30.000.000 đồng/01 hệ thống quản lý chất lượng theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành;
- 20.000.000 đồng/01 công cụ cải tiến năng suất chất lượng.

b) Các tổ chức, doanh nghiệp đạt được giải thưởng chất lượng, được hỗ trợ tối đa một lần đối với một loại giải:

- Giải thưởng chất lượng quốc gia: 20.000.000 đồng;
- Giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 30.000.000 đồng.

c) Các tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm được các tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật cấp Giấy chứng nhận phù hợp, được hỗ trợ tối đa tính theo chủng loại sản phẩm:

- Phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam : 15.000.000 đồng;
- Phù hợp Tiêu chuẩn nước ngoài : 15.000.000 đồng;
- Phù hợp Tiêu chuẩn Quốc tế : 20.000.000 đồng;
- Phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật : 30.000.000 đồng.

d) Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có các sản phẩm được truy xuất nguồn gốc đúng theo quy định của pháp luật, được hỗ trợ một lần tối đa: 5.000.000 đồng đối với nhóm 05 sản phẩm/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; 10.000.000 đồng đối với nhóm trên 5 sản phẩm/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, bảo hộ độc quyền về sáng chế, giải pháp hữu ích được hỗ trợ tối đa:

- a) 10.000.000 đồng/nhãn hiệu thông thường;
- b) 20.000.000 đồng/nhãn hiệu tập thể;
- c) 30.000.000 đồng/nhãn hiệu chứng nhận;
- d) 30.000.000 đồng/kiểu dáng công nghiệp;
- e) 50.000.000 đồng/sáng chế;
- f) 30.000.000 đồng/giải pháp hữu ích.

5. Hỗ trợ khai thác thông tin và quảng bá

a) Khai thác thông tin sở hữu trí tuệ miễn phí tại Sở Khoa học và Công nghệ nhằm xây dựng, xác lập và phát triển tài sản trí tuệ;

b) Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ các sản phẩm làng nghề, OCOP đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận;

c) Hỗ trợ tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm công nghệ và thiết bị, tối đa:

- 5.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi tham gia trong tỉnh;
- 12.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi tham gia ngoại tỉnh;
- 50.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi tham gia ở nước ngoài.


Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 được bố trí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 8 năm 2021. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Vụ pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HDND tỉnh;
- Các cơ quan ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Trần Hải Châu